

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 327/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2020
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2020/QĐXXST-HN ngày 21 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 223/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Trúc N, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 10, khóm B, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang;

- Bị đơn: Anh Trần Bảo Th, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ 8, khóm B, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị N có mặt tại phiên tòa; Anh Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Trúc N trình bày: Năm 2010, chị Trần Thị Trúc N và anh Trần Bảo Th tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 86/2014, quyền số I/2014, ngày 20/10/2014. Sau lễ cưới, chị N và anh Th sống bên gia

đình cha mẹ ruột của anh Th tại tổ 8, Tổ 8, khóm B, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang được khoảng 03 tháng thì chị N và anh Th đi làm và sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th không lo làm ăn, chỉ biết ăn chơi, cờ bạc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N và anh Th sống xa nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Tình cảm giữa chị N đối với anh Th đã hết, chị N yêu cầu ly hôn với anh Trần Bảo Th.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 139/TB-TLVA ngày 02/3/2020 cho anh Trần Bảo Th thông qua người thân là bà Nguyễn Thị Mỹ T (mẹ ruột anh Trần Bảo Th) nhận thay và bà T xác nhận có thông tin cho anh Th biết về việc chị N khởi đơn kiện ly hôn với anh Th tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh Th đối với yêu cầu của chị N và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của anh Th gửi cho Tòa án.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Th vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm được. Ngày 25/6/2020, Tòa án ban hành Thông báo số 454/TB-TA về việc công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh Trần Bảo Th được biết thông qua việc tổng đạt cho người thân nhận thay (bà Nguyễn Thị Mỹ T mẹ ruột anh Trần Bảo Th) nhưng anh Th không gửi văn bản ý kiến của anh Th cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh Th vắng mặt, chị N kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Th.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh Công an phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Biên bản xác minh (ghi lời khai) của bà Nguyễn Thị Mỹ T (mẹ ruột anh Th).

- Công an phường L, thị xã T, tỉnh An Giang cho biết: Anh Trần Bảo Th, sinh năm 1992, có đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại Tổ 8, khóm B, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ T (mẹ ruột anh Th) cung cấp: Trần Bảo Th đang sinh sống thường xuyên với bà T tại tổ 8, khóm B, phường L, thị xã Tân Châu, An Giang. Th đã biết việc Tòa án triệu tập ngày 19/5/2020 nhưng Th không ra Tòa án theo triệu tập vì Th đi làm đến chiều mới về. Bà T có nhận thay Th thông báo thụ lý vụ án số 139/TB-TLVA ngày 02/3/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tổng đạt cho Th và đã đưa tận tay Th nhưng Th không có ý kiến. Th nói Th còn thương N nhưng không chịu ra Tòa án. Th và N tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp nhận tổ chức lễ cưới năm 2014. Th và

N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh An Giang năm 2014. Sau lễ cưới, Th và N sinh sống ở nhà bà T tại tổ 8, khóm B, phường L, thị xã Tân Châu. Sau đó, Th và N lên Sài Gòn làm ăn sinh sống được khoảng vài năm, đến năm 2018 vợ chồng N và Th quay trở về sinh sống chung với bà T tại địa phương. Tháng 11/2019, N về sinh sống với cha mẹ ruột tại phường Long Phú, thị xã Tân Châu đến nay. N và Th thường xuyên cãi vã nhau do mâu thuẫn về kinh tế. N và Th không có con chung. Bà T cam kết nhận thay các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt cho Th và giao tận tay Th để Th biết.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hôn nhân của chị N và anh Th là hợp pháp có đăng ký kết hôn năm 2014. Năm 2018, chị N và anh Th phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th không lo làm ăn, chỉ biết ăn chơi, cờ bạc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, sống xa nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Chị N yêu cầu ly hôn với anh Th là có căn cứ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Trúc N được ly hôn anh Trần Bảo Th.

Về án phí: Chị Trần Thị Trúc N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị Trúc N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Bảo Th. Anh Th có nơi cư trú: Tổ 8, Tổ 8, khóm B, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Bảo Th được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2010, chị N và anh Th tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 86/2014, quyển số I/2014, ngày 20/10/2014, hôn nhân giữa chị N và anh Th là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị N khai: Sau lễ cưới, chị N và anh Th sống bên gia đình cha mẹ ruột của anh Th tại tổ 8, Tổ 8, khóm B, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang được khoảng 03 tháng thì chị N và anh Th đi làm và sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th không lo làm ăn, chỉ biết ăn chơi, cờ bạc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N và anh Th sống xa nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Tình cảm giữa chị N đối với anh Th đã hết, chị N kiên quyết ly hôn với anh Trần Bảo Th.

Biên bản xác minh bà Nguyễn Thị Mỹ T (mẹ ruột anh Th): Tháng 11/2019, N về nhà cha mẹ ruột sinh sống do N và Th thường xuyên cãi vã nhau về vấn đề kinh tế.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị N và anh Th phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 và sống xa nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Thời gian sống xa nhau, anh Th không tìm đến chị N để hàn gắn tình cảm gia đình. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị N và anh Th hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh Th vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị N và anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững

mà còn kéo dài sự đau khổ cho chị N. Xét, cho chị Trần Thị Trúc N ly hôn với anh Trần Bảo Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Trúc N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí.

Anh Trần Bảo Th không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Trúc N.

Chị Trần Thị Trúc N được ly hôn với anh Trần Bảo Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 86/2014, quyển số I/2014, ngày 20/10/2014, do Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho chị Trần Thị Trúc N và anh Trần Bảo Th không còn giá trị pháp lý.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Trần Thị Trúc N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2017/0002544 ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Trần Thị Trúc N đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Bảo Th không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị Trần Thị Trúc N là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Trần Bảo Th là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết